

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 598/2023/HSST

Ngày 15/12/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Huy Cương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thái Hà; Bà Chu Thị Kim Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thơm - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 15/12/2023 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 594/2023/TLST-HS ngày 10/11/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 699/2023/QĐXXST-HS ngày 24/11/2023 đối với bị cáo:

Ngô Phương M, sinh ngày 08/9/1995 tại thành phố Hà Nội; Nơi ĐKKTT và chỗ ở: Số G, ngõ F, phố H, phường B, quận T, thành phố Hà Nội; Giới tính: Nữ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Ngô Thế T và bà Lưu Thị Kim T1; Chồng tên là Nguyễn Huy H; Có 02 con, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh ngày 30/7/2020;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bắt tạm giam từ ngày 14/3/2023 đến nay; Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an thành phố H; Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Ngô Phương M: Luật sư Nguyễn Thị Hải Y – Công ty L và đội ngũ cộng sự thuộc Đoàn luật sư thành phố H; Có mặt.

- Bị hại: Công ty cổ phần B; Trụ sở: Số A, phố Y, phường T, quận H, thành phố Hà Nội; Người đại diện tại phiên tòa: Ông Hoa Hoàng N, sinh năm 1976; Cư trú: Số D, ngõ A, phường Q, quận Đ, thành phố Hà Nội (Giấy ủy quyền số 80 ngày 21/9/2020); Có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Lưu Thị Kim T1, sinh năm 1973; Cư trú: Số G, phố B, phường P, quận H, thành phố Hà Nội; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cáo trạng và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 22/9/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H nhận được đơn tố giác của ông Hoa Hoàng N là đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ

phần B tố cáo Ngô Phương M là nhân viên thu ngân của Công ty cổ phần B có hành vi chiếm đoạt tiền của Công ty bằng thủ đoạn thu tiền của khách hàng rồi chiếm đoạt chi tiêu cá nhân không nộp về Công ty.

Quá trình điều tra xác định:

Công ty cổ phần B (sau đây gọi tắt là Công ty B) địa chỉ tại số A, phố Y, phường T, quận H, Hà Nội. Ngô Phương M được Công ty B tuyển dụng làm nhân viên thu ngân từ ngày 07/7/2020 theo Hợp đồng lao động số 4110/2020/HĐLĐ-BVTM ngày 07/7/2020. Nhiệm vụ của M là lập phiếu, thu tiền của khách hàng đến sử dụng dịch vụ tại Bệnh viện B, cuối ngày Mai phải nộp lại tiền thu được cho chị Phạm Hồng T2 là nhân viên tổng hợp thu ngân để chị T2 nộp về bộ phận thủ quỹ của Công ty B.

Quá trình làm việc tại Công ty B, từ ngày 08/7/2020 đến ngày 30/7/2020, Ngô Phương M đã lập phiếu thanh toán, thu tiền của 116 khách hàng bằng hình thức thu tiền mặt hoặc yêu cầu khách hàng chuyển khoản vào tài khoản cá nhân của M. Tổng số tiền M thu được của các khách hàng là 2.756.044.702đ. Ngoài ra M còn lập 46 phiếu thanh toán để khách hàng thanh toán qua thẻ tín dụng, các trường hợp này thì tiền khách hàng thanh toán được chuyển thẳng vào tài khoản của Công ty B.

Sau khi nhận được số tiền 2.756.044.702đ của khách hàng thanh toán, trừ các khoản chi trả cho một số hoạt động của công ty là 7.854.000đ thì tổng số tiền M phải nộp về Công ty B là 2.748.190.702đ. Do cần tiền đánh bạc trực tuyến trên mạng nên M nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền khách hàng thanh toán để đánh bạc. Hàng ngày khi chị Phạm Hồng T2 đến thu tiền để nộp về cho Công ty thì M né tránh và đưa ra các lý do M không có mặt tại Công ty, M phải đi khám bệnh hoặc nêu lý do các khách hàng sử dụng dịch vụ của công ty đều thanh toán bằng thẻ tín dụng nên không có tiền mặt nộp cho chị T2... chị T2 tin tưởng lời M nói nên không thu tiền của M.

Toàn bộ số tiền 2.748.190.702đ thu của các khách hàng nêu trên M đã chuyển vào tài khoản số 19032428505999 của M mở tại ngân hàng T3, sau đó M dùng toàn bộ số tiền này để đánh bạc trực tuyến tại trang Web <https://kubet77.net> và trang Web <https://ku.ku711.com>. Hậu quả M bị thua hết toàn bộ số tiền thu của khách hàng nên không có khả năng trả lại Công ty B, trang Web này đã tự động chuyển tiền đến nhiều số tài khoản khác nhau đến nay không xác minh được. Công ty B phát hiện hành vi chiếm đoạt tiền thu của khách hàng nên yêu cầu M phải trả lại. Gia đình M đã hỗ trợ để M khắc phục trả lại cho Công ty B tổng số tiền là 1.555.680.000đ, số tiền còn lại 1.192.510.702đ M chưa trả cho Công ty B. Đến ngày 30/7/2020, M đã tự ý nghỉ việc, Công ty B có đơn gửi Công an quận H tố giác hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của M.

Tại Cơ quan điều tra, Ngô Phương M thừa nhận hành vi phạm tội và khai nhận phù hợp với nội dung nêu trên, phù hợp với lời khai của Chị Phạm Hồng T2 và anh Hoa Hoàng N - đại diện Công ty B.

Đối với hành vi đánh bạc trực tuyến của Ngô Phương M: M khai nhận đã sử dụng toàn bộ số tiền chiếm đoạt của Công ty B để đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa trên trang Web <https://kubet77.net> và <https://ku.ku711.com>. Kết quả xác minh tại Trung tâm I, Phòng An ninh mạng và phòng chống tội phạm

công nghệ cao C xác định: Không truy cập vào được 02 trang Web <https://kubet77.net> và <https://ku.ku711.com> nên không đăng nhập được vào tài khoản “0357829012” có mật khẩu “14121993”. Tên miền kubet77.net và ku.ku711.com có máy chủ lưu trữ Website đặt tại nước ngoài. Do vậy, không khôi phục được dữ liệu của tài khoản “0357829012” tại 02 trang web nêu trên. Ngoài lời khai của Ngô Phương M không có tài liệu nào khác chứng minh nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ xử lý Ngô Phương M về hành vi đánh bạc.

Kết quả sao kê số tài khoản 19032428505999 của Ngô Phương M mở tại ngân hàng T3 từ ngày 01/7/2020 đến ngày 31/7/2020 việc chuyển khoản phù hợp với lời khai của Ngô Phương M.

Tại Bản Kết luận giám định chữ ký, chữ viết số 1895/KLGD - PC09-Đ3 ngày 08/3/2021 của Phòng K - Công an thành phố H xác định:

“Chữ ký đứng tên Ngô Phương M (Ngô P. M) trên các mẫu cần giám định (Ký hiệu từ A1 đến A147, từ A149 đến A171);

Chữ ký tại vị trí hình dấu chữ nhật “Bệnh viện B MIỄN PHÍ” trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A148);

Chữ viết dòng họ tên “Ngô P. M” trên các mẫu cần giám định (Ký hiệu A9, A61, A63, từ A79 đến A88, từ A95 đến A107, từ A109 đến A147, từ A149 đến A153, từ A156 đến A163, từ A165 đến A171);

Với chữ ký, chữ viết đứng tên Ngô Phương M trên các mẫu so sánh (Ký hiệu từ M1 đến M6) là chữ do cùng một người ký và viết ra.”

Về trách nhiệm dân sự: Ông Hoa Hoàng N là đại diện ủy quyền của Công ty cổ phần B đề nghị xử lý Ngô Phương M theo quy định của pháp luật và yêu cầu M phải trả nốt Công ty số tiền chiếm đoạt là 1.192.510.702đ.

Đối với hành vi của chị Phạm Hồng T2: Căn cứ tài liệu điều tra và lời khai của Ngô Phương M xác định chị T2 không biết, không liên quan và không được hưởng lợi gì từ hành vi phạm tội của M. Bản thân chị T2 đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của mình tại Công ty B, tuy nhiên quá trình chị T2 đến thu tiền từ Ngô Phương M, M đã đưa ra thông tin gian dối về việc M không có mặt ở nơi làm việc, đi khám bệnh và các khách hàng đều nộp tiền bằng hình thức thẻ tín dụng nên không có tiền để nộp cho chị T2. Hành vi của chị T2 không cấu thành tội phạm do vậy Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

Tại bản cáo trạng số 554/CT-VKS-P3 ngày 07/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã truy tố Ngô Phương M về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà:

- Ngô Phương M không có ý kiến về tội danh, luật Viện kiểm sát truy tố; khai báo thành khẩn hành vi phạm tội như tại Cơ quan điều tra và xin giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện bị hại Công ty cổ phần B không có ý kiến về tội danh, luật Viện kiểm sát truy tố bị cáo và có quan điểm: Bị cáo chiếm đoạt của Công ty số tiền là 2.748.190.702đ, đã trả được 1.555.680.000đ, do vậy yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại Công ty số tiền còn chiếm đoạt là 1.192.510.702đ và đề nghị xử lý, giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

- Người liên quan đến vụ án là bà Lưu Thị Kim T1 không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 1.555.680.000đ, đã đưa cho bị cáo để khắc phục hậu quả cho Công ty cổ phần B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố Ngô Phương M về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự như nội dung bản cáo trạng đã nêu; đề nghị xử phạt bị cáo từ 10 đến 11 năm tù và buộc bị cáo phải hoàn trả lại cho Công ty cổ phần B số tiền chiếm đoạt là 1.192.510.702đ.

- Người bào chữa cho Ngô Phương M không có ý kiến về tội danh, luật Viện kiểm sát truy tố và đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo thấp hơn đề nghị của Viện kiểm sát vì tại phiên tòa đã khai báo thành khẩn; ăn năn hối cải; đã khắc phục một phần hậu quả; hiện đang nuôi con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử cơ bản đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Tội danh và hình phạt:

Căn cứ vào lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của đại diện bị hại và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ cơ sở kết luận:

Ngô Phương M được Công ty cổ phần B ký hợp đồng lao động với công việc là nhân viên thu tiền của khách hàng đến sử dụng dịch vụ tại Bệnh viện B và cuối ngày M phải nộp lại số tiền thu được cho nhân viên tổng hợp thu ngân để nộp về bộ phận thủ quỹ Công ty. Thực hiện công việc được giao, từ ngày 08/7/2020 đến ngày 30/7/2020 M thu được số tiền 2.748.190.702đ của khách hàng sử dụng dịch vụ của bệnh viện. Sau đó, M không nộp số tiền trên về Công ty mà chiếm đoạt sử dụng vào việc đánh bạc, dẫn đến không có khả năng trả lại tiền cho Công ty.

Với hành vi cố ý phạm tội nêu trên, M phải chịu trách nhiệm hình sự về số tiền đã chiếm đoạt của Công ty cổ phần B là 2.748.190.702đ.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội truy tố Ngô Phương M về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tội danh và hình phạt quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự là đúng quy định của pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác nên phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Nhân thân bị cáo chưa có tiền án tiền sự.

Khi lượng hình thấy sau khi phạm tội bị cáo đã khắc phục hậu quả trả lại một phần tiền chiếm đoạt cho bị hại; khi phạm tội đang mang thai; tại phiên tòa khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; hiện đang nuôi con nhỏ nên giảm một

phần hình phạt, cho bị cáo hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

[3] Trách nhiệm dân sự:

- Bị cáo chiếm đoạt của bị hại Công ty cổ phần B số tiền là 2.748.190.702đ nên buộc bị cáo phải trả lại số tiền này cho bị hại, tuy nhiên bị cáo đã trả được cho bị hại số tiền là 1.555.680.000đ, nên bị cáo còn phải trả bị hại số tiền là 1.192.510.702đ.

- Bà Lưu Thị Kim T1 không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 1.555.680.000đ, đã đưa cho bị cáo để khắc phục hậu quả cho Công ty cổ phần B. Do vậy không xét.

[4] Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Ngô Phương M phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Áp dụng: khoản 4 Điều 175; điểm b, n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Ngô Phương M 10 (mười) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/3/2023.

3. Trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự:

Buộc Ngô Phương M phải trả nốt số tiền chiếm đoạt là 1.192.510.702đ (một tỷ một trăm chín mươi hai triệu năm trăm mười nghìn bảy trăm linh hai đồng) cho Công ty cổ phần B.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng N1 công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 135; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) - án phí hình sự sơ thẩm; 47.775.321đ (bốn mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm hai mươi một đồng) - án phí dân sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại Công ty cổ phần B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Lưu Thị Kim T1 có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tối cao;
- Viện kiểm sát ND tối cao;
- Viện kiểm sát ND TP Hà Nội;
- Công an TP Hà Nội;
- Cục THÁ DS TP Hà Nội;
- Trại tạm giam số 1 CA TP Hà Nội;
- Bị cáo, bị hại và người liên quan;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Huy Cương